

Phần VIII

QUY Y NƯƠNG TỰA

NỘI DUNG

1. Ý Nghĩa Nơi Nương Tựa (Sarana)
2. Nguồn Gốc Của Việc Nương Tựa
3. Sự Quy Y Nương Tựa
4. Tại Sao Chúng Ta Cần Quy Y Nương Tựa
5. Ba Nơi Nương Tựa – Tam Bảo
6. Những Yếu Tố Hỗ Trợ Việc Quy Y Nương Tựa
7. Sự Bất Tịnh & Hủy Bỏ Trong Quy Y
8. Những Lợi Ích Của Việc Quy Y Tam Bảo
9. Sách & Tài Liệu Tham Khảo

I

Ý Nghĩa Nơi Nương Tựa

(Sarana)

“**Sarana**” trong tiếng Pali có nghĩa là: “*nơi nương tựa*”, và được định nghĩa như là “*một nơi che chở*”, “*một sự hay nơi bảo vệ*” con người khỏi hiểm họa, tai biến; hoặc là một “*một người, một thứ gì, hay một tiến trình*” mang lại sự bảo vệ, sự che chở, sự an toàn.

Vị Thiên Sư quá cố **Ledi Sayadaw** (Miến Điện) trong quyển “*Uttama Purisa Dipani*” của ngài, đã định nghĩa từ “*sarana*” như sau:

“*Nếu một người tỏ lòng tôn kính hay tôn thờ một đối-tượng hay một người nào đó, và nếu hành động tôn kính hay tôn thờ đó trở thành một **nghiệp thiện** (kusala kamma), mà có thể cứu mình khỏi tái sinh vào cảnh giới khổ đau, thì đối-tượng đó hay người đó trở thành một “sarana”, và như vậy xứng đáng được tôn kính hay tôn thờ*”.

“*Ngược lại, nếu một người tỏ lòng tôn kính hay tôn thờ một đối-tượng hay một người nào đó với tư tưởng là đối-tượng đó hay người đó sẽ cứu mình khỏi tái sinh vào cảnh giới khổ đau, nhưng thật ra hành động tôn kính hay tôn thờ đó không trở thành một **nghiệp thiện**, thì đối-tượng đó hay người đó không phải là một “sarana”, và không xứng đáng được tôn kính hay tôn thờ*”.

Sau đó, vị Thiên Sư này lại tiếp tục dùng một sự so sánh như sau:

“Những **giới-hạnh** (sila), sự **định-tâm** (samadhi), và **trí-tuệ** (panna) không bị thối chuyển có thể được so sánh với sự **phì nhiêu** của đất trồng. Những đối-tượng làm nơi nương-tựa như là: Phật, Pháp và Tăng có thể được so sánh như chính đất trồng có những phẩm chất phì nhiêu đó. Sự cố-ý (tu, cetana) khởi sinh trong tâm (tâm tư) của một người thông qua việc nương tựa Phật, Pháp, Tăng thì giống như những **hạt giống** được gieo trồng trên đất phì nhiêu đó”.

“Những người hay đối-tượng không có được những **giới-hạnh** (sila), sự **định-tâm** (samadhi), và **trí-tuệ** (panna) bất thối chuyển thì cũng giống như **miếng đất khô cằn** không một chút phì nhiêu. Nếu gặp những người hay đối-tượng đó và tỏ lòng tôn kính hay tôn thờ thì chỉ giống như gieo trồng những hạt giống trên miếng đất khô cằn đó. Những người hay đối-tượng đó không đưa đến **nghiệp thiện** (kusala kamma), và vì vậy việc tôn kính hay tôn thờ đó là vô ích”.

II

Nguyên Gốc Của Việc Quy Y Nương Tựa

Theo kinh điển Pali, ngay sau khi Giác Ngộ thành Phật, Đức Phật đã trải qua 07 tuần xung quanh khu vực *Cây Bồ-Đề* ở khu Bồ-Đề Đạo Tràng ngày nay, trong đó Phật có ngồi dưới gốc Cây Bồ-Đề, Cây Đa Đề (banyan, nigrodha), Cây Mucalinda (mãng xà vương), và cuối cùng là dưới Cây Rajayatana, mỗi chỗ một tuần.

Khi Đức Phật ngồi dưới cây **Rajayatana**, lúc đó có hai anh người lái buôn tên là **Tapussa** và **Bhallika** đến từ Ukkala (Orissa, tức Miến Điện ngày nay) dâng lên cúng dường Đức Phật bánh gạo nếp và mật ong. Sau khi Đức Phật thọ trai bữa ăn xong, hai người đã quỳ lạy dưới chân Phật và xin được quy y nương tựa vào *Đức Phật* và *Giáo Pháp* của Phật, lấy Phật và Giáo Pháp làm nơi nương-tựa cho đến hết đời. (A) Vậy là: họ đã trở thành ***những Phật tử tại gia đầu tiên quy y vào Phật và Pháp*** (Nhị Bảo), bởi vì lúc đó chưa có Tăng Đoàn.

Sau đó Đức Phật đã đến khu Vườn Nai (Lộc Uyển) ở vùng Sarnath ngày nay, và ở đó, Phật đã giảng “***Bài Thuyết Pháp Đầu Tiên***” cho 05 người bạn tu khổ hạnh trước kia (và sau này họ cũng đều trở thành những bậc A-la-hán). (B) Vậy là: Họ đã trở thành ***những Phật tử xuất gia (Tỳ kheo) đầu tiên***.

Tiếp đó Đức Phật cũng gặp và thuyết giảng giáo pháp cho công tử Yasa và 54 người bạn của Yasa, tất cả đều được thụ giới vào Tăng Đoàn, trở thành những Tỳ Kheo, và sau này đều trở thành những bậc giác ngộ A-la-hán.

Cha, mẹ, và vợ của Yasa cũng chứng ngộ thánh quả Nhập Lưu (*Sotapanna*, Tu-đà-hoàn). (C) Họ đã trở thành **những Phật tử tại gia đầu tiên quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo)**, bởi vì lúc đó đã có Tăng Đoàn (*Sangha*).

III

Hành Động Quy Y Nương Tựa

Hành động chọn hay quy y vào nơi nương-tựa là con đường dẫn đến hay bước vào Phật Pháp (*Buddha Sasana*).

Sau khi tụng câu **Đảnh Lễ** 03 lần:

“Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma-Sambuddhassa”

Con xin đảnh lễ Đức Thế Tôn, Bạc A-la-hán, Bạc Toàn Giác

Thì việc Quy y nương tựa được thực hiện bằng cách tụng đọc tiếp những câu bên dưới đây 03 lần:

*Buddham Saranam Gacchami
Dhammam Saranam Gacchami
Sangham Saranam Gacchami*

***Con xin Nương tựa vào Phật
Con xin Nương tựa vào Pháp
Con xin Nương tựa vào Tăng***

*Dutiyampi, Buddham Saranam Gacchami.
Dutiyampi, Dhammam Saranam Gacchami.
Dutiyampi, Sangham Saranam Gacchami.*

***Lần thứ hai, con xin Nương tựa vào Phật
Con xin Nương tựa vào Pháp
Con xin Nương tựa vào Tăng***

Tatiyampi, Buddham Saranam Gacchami.

*Tatīyampi, Dhammam Saranam Gacchami.
Tatīyampi, Sangham Saranam Gacchami.*

***Lần thứ ba, con xin Nương tựa vào Phật
Con xin Nương tựa vào Pháp
Con xin Nương tựa vào Tăng***

Theo quyển “*Luận Giảng Tiểu Bộ Kinh*” (*Khuddakapatha*), Đức Phật đã giảng dạy nghi thức đọc tụng “Quy Y” này ở khu Vườn Nai (Lộc Uyển) nói trên ở Sanarth, Isipatana, nhằm mục đích chấp nhận những đệ tử mới vào Tăng Đoàn. Sau đó Phật bắt đầu phái cử 60 vị A-la-hán vừa mới giác ngộ đi về nhiều hướng khác nhau để thuyết giảng và nhận thêm những đệ tử mới quy y vào Tam Bảo. Những người được gia nhập vào Tăng Đoàn Tỳ kheo cũng đọc tụng **03** lần những câu nghi thức này trước khi được trở thành Tỳ kheo.

IV

Tại Sao Chúng Ta Cần Nơi Nương Tựa?

Ngoại trừ những thánh đệ tử của Đức Phật, là những người đã giác ngộ Tứ Diệu Đế, còn tất cả chúng sinh đều đang đắm chìm trong Vô Minh và thông thường không hề để ý hay ý thức được mình đang sống trong hiểm-nguy khủng khiếp của kiếp sống vô thường và ngắn ngủi này. Chúng sinh nhận lầm mọi thứ **vô thường**, **vô ngã** và **khổ** là thường hằng, là bản ngã, và sung sướng. Đức Phật xuất hiện trong thế gian này để khai giảng **Bốn Diệu Đế**, đó là những chân lý thánh diệu mà nếu ai hiểu-biết một cách đầy đủ và đúng đắn, nếu giác-ngộ những chân lý đó, thì điều đó sẽ dẫn đến sự giải-thoát khỏi tất cả khổ đau.

(I) Những Hiểm Họa Trong Đời Sống Hiện Tại

Theo như **Bốn Diệu Đế**, từ sinh ra (hay tái sinh) sẽ dẫn đến già, bệnh, chết, những buồn sầu, ai oán, đau đớn, sầu muộn và tuyệt vọng. Bản thân chúng ta với kiến thức bình thường của con người cũng dễ dàng thấy được những điều này, bởi vì những điều này, như là **lẽ thật**, nếu chưa xảy đến hết đối với chúng ta, thì cũng đã xảy ra với tất cả những người tổ tiên, ông, bà, cha, mẹ của chúng ta, và chúng ta không thể tránh được. Ngay lúc đang sống, thân chúng ta phải tùy thuộc vào, và có thể bị bệnh đau, bị thương, hay thậm chí bị tai nạn bất cứ lúc nào. Những thảm họa hay thiên tai như hỏa hoạn, lũ lụt, hạn hán, sóng thần, và động đất, và dịch bệnh có thể xảy ra bất cứ lúc nào, gây tan thương, đau khổ và chết chóc.

• Nếu bạn nghĩ rằng xã hội hiện đại, với khoa học tiên tiến và những biện pháp phòng ngừa và an ninh đã giúp con người khỏi thiên tai, thì bạn đã sai. Dù cho một đất nước văn minh, tiên tiến đến mức nào, thì cũng không thể tránh được thiên tai. Ví dụ như cơn bão Katrina kéo theo cường lũ ở Mỹ vào năm 2005 đã xóa sạch nhà cửa, tài sản và vật chất một vùng lớn hơn đất nước Việt Nam; sóng thần Tsunami ở Thái Lan 2007 cướp đi sinh mạng và nhà cửa vô số người, và những sóng thần khác vẫn luôn luôn rình rập những nước Indonesia, Nhật Bản, Việt Nam... và thảm họa lũ lụt lớn nhất đã xảy ra trong nhiều tháng năm 2011 ngay thủ đô hiện đại Bangkok, ở Thái Lan. Còn bao nhiêu thiên tai lớn, nhỏ khác xảy ra khắp nơi trên thế giới trong một năm, gây ra biết bao nhiêu đau thương, mất mát và chết chóc mà con người và tất cả chúng sinh phải chịu. Và cuối năm 2019 đánh dấu một thảm họa có quy mô lớn nhất quét tạt cả thế giới đó là dịch bệnh Covid-19 bắt nguồn từ tỉnh Vũ Hán, Trung Quốc. Không những đã có hàng trăm ngàn người chết và hàng trăm triệu người dính bệnh, mà đại thảm dịch này đã làm tê liệt tất cả mọi mặt của đời sống từ kinh tế, thương mại, tiền tệ, sản xuất, văn minh, sắc tộc, chính trị. Ngay cả một người bán hàng rong, một người làm vườn nông, hay một tài xế xe ôm cũng bị tác động của nó một cách nặng nề. Hàng tỷ người bỗng dưng lâm vào cảnh thất nghiệp, khó khăn, nợ nần, túng thiếu. Nó gần như định nghĩa lại thế giới và làm lại thế giới. Trong khi nó đang diễn ra, bao nhiêu triệu người khổ đau, nguy hiểm, bao nhiêu tỷ hoàn cảnh đau khổ và khó khăn đã, đang và sẽ xảy ra trong một thời kỳ dài phía trước. (ND)

Khắp nơi trong thế giới hiện đại này, con người và chúng sinh cũng phải chịu những tai nạn, thảm họa do chính con người gây ra, ví dụ như tai nạn, tội ác, chiến tranh, đàn áp, bệnh dịch, suy sụp kinh tế, và nhiều loại khủng hoảng về

chính trị, kinh tế, sắc tộc ... vẫn đang được nhắc đến hàng ngày từ suốt cả mấy ngàn năm qua.

Một sự thật là, ngay cả khi số ít hay số nhiều chúng ta và những chúng sinh có thoát được hết những hiểm-họa nói trên, thì vẫn còn một thứ chúng ta không thể nào trốn thoát được, đó là cái **Chết**. Và ngay cả khi đã chấp nhận lẽ thật phũ phàng này, chúng ta cũng chẳng biết được cái chết đối với chúng ta sẽ xảy ra lúc nào và ở đâu.

(II) Những Hiểm Họa Trong Kiếp Sống Tương Lai

Những mối hiểm họa và nguy hại bao vây chúng sinh cũng không kết thúc sau khi chúng ta chết. Theo học thuyết của Đức Phật, con người khi chết đi còn mang theo dục-vọng sẽ còn dẫn dắt và tái sinh vào những cảnh giới hay kiếp sống mới. Sự tái sinh, như đã nói chi tiết trong Chương VI về Tái Sinh, sẽ rơi vào những cảnh giới phúc lành (*Sugati*) như cõi con người, cõi của chư thiên thần, trời; hay rơi vào những cõi xấu, đày đọa (*Duggati*) như cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh hay quỷ thần.

Hiểm họa của kiếp sống tương lai chính là bị tái sinh vào những cảnh giới xấu, đày đọa, đau khổ, không phải chỉ vì ở đó **toàn xấu, khổ, đau đớn, và đày đọa nhục hình**, mà bởi vì **sự thoát khỏi cảnh giới đó là cực kỳ khó khăn**. ***Sự tái sinh có may phúc được hay không là tùy thuộc vào những hành động công đức của chúng sinh đó trong kiếp sống hiện tại.*** Nhưng những chúng sinh bị tái sinh vào những cõi xấu như địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ... thì **không có được cơ hội** để làm chuyện công đức để tạo phước, vì thế dù có hết chịu đọa đày trong cõi xấu đó, thì chúng sinh đó cũng khó có cơ hội tái sinh về cõi tốt, cứ như vậy, vòng tái sinh vào cõi

xấu cứ kéo dài vô cùng... Vì thế cho nên mới nói rằng, nếu đã bị tái sinh vào cõi xấu, thì **mối nguy hiểm to lớn nhất là cơ hội và khả năng thoát khỏi những cõi xấu đó là cực kỳ khó khăn**. Đức Phật đã giảng giải rõ điều này bằng một ví dụ kinh điển sau:

“Giả sử có một khúc gỗ được đục một cái lỗ thả trôi giữa đại dương, và một con Rùa mù sống dưới biển cứ 100 năm mới nổi lên mặt nước một lần. Cơ hội để con rùa mù nổi lên cái đầu nó trúng vào lỗ của khúc gỗ giữa đại dương là vô cùng hiếm khó, hầu như không thể có, nhưng khả năng đó vẫn lớn hơn cơ hội để một chúng sinh trong cõi xấu có thể được tái sinh trở lại làm người”.

Vì vậy, việc tái sinh vào cõi xấu dữ đọa đày là một hiểm-họa kinh khủng nhất của những kiếp sống tương lai sau khi chết, **cho nên chúng ta cần sự bảo vệ, cần nơi để nương tựa**. Chúng ta **không thể làm gì được để xóa bỏ những cảnh giới xấu dữ đọa đày đó**, do vậy **cách duy nhất là chúng ta hãy tìm mọi cách để tránh né chúng!**

Theo Quy Luật của Nghiệp, những hành-động hay nghiệp tốt, thiện, lành sẽ tạo ra những kết quả tốt, thiện, lành; và ngược lại, những nghiệp xấu, bất thiện, ác sẽ tạo ra những kết quả xấu, bất thiện, dữ. Vậy để tránh việc tái sinh sau này vào những cảnh giới xấu, vô phúc, thống khổ thì chúng ta phải **tránh** tạo nghiệp xấu ác (*akusala kamma*).

Để làm được việc này, chúng ta cần sự hướng dẫn từ những người thực sự hiểu biết về quy luật vận hành của Nghiệp. Ngay cả khi chúng ta đã hiểu biết, phân biệt được những việc tốt và những việc xấu ác, hành động của chúng ta chưa chắc đã luôn luôn đi theo con đường tốt, thiện, bởi vì tâm chúng ta là cực kỳ khó kiểm soát.

Và để hiểu được con-đường để thực hiện những nghiệp tốt và tránh né những nghiệp xấu, chúng ta cần sự hướng dẫn từ những người hiểu được những hành vi của tâm, giúp chúng ta kiểm soát được tâm, giải thoát được tâm ra khỏi những tâm xấu tạo nghiệp xấu. Đây là một cách diễn tả khác của việc tu hành. Và lại, những thứ nào sẽ giúp được chúng ta như vậy để chúng ta gọi đó là nơi nương tựa?

(III) Những Hiểm Họa Của Vòng Luân Hồi Sinh Tử

Ngoài quá nhiều những tai họa, hiểm nguy mà chúng ta phải đối mặt trong đời sống hiện tại cũng như trong kiếp sống tương lai nếu rơi vào những cảnh giới xấu (*Duggati*), chúng ta còn phải đối mặt hay bị chi phối bởi những hiểm-họa to lớn và khó xử hơn nhiều. Những nguy hại thật sự, nhìn thấy được, là khổ, luân hồi, tái sinh, già, chết, buồn đau, ai oán, đau đớn, ưu sầu, và tuyệt vọng. Đó là những khổ đau vốn có sẵn trong bản chất, tức là **khổ do khổ** (khổ khổ), nhưng bên cạnh chúng còn những thứ khổ do biến đổi, **thay đổi** và những thứ khổ do điều kiện tác động, do **nhân duyên** trong vòng hiện-hữu.

Giải pháp hay sự giải thoát này không được tìm thấy ở đâu, ngay cả trên cõi Trời Vô Sắc Giới cũng không có được, bởi vì sự sống ở những cõi đó cũng **vô thường** và **tùy thuộc vào điều-kiện**. Điều này hàm ý rằng, chỉ còn một cách là quay lưng lại, **tránh né** tất cả mọi hình thức tái sinh hay hiện-hữu, ngay cả sự hiện-hữu trong những cõi sống tuyệt vời nhất trên thế giới trời thần.

Theo chân lý Tứ Diệu Đế về “Nguồn gốc Khổ”, thì chính tham muốn, **đục-vọng muốn được hiện-hữu** (*bhava-tanha*) là nguyên nhân dẫn đến tái sinh, rồi tiếp tục tái sinh tạo ra

‘đắt sống’ cho dục-vọng tiếp tục khởi sinh và kéo dài mãi trong vòng luân hồi sinh tử (*samsara*).

Tâm điểm của bánh xe luân hồi chính là **Vô Minh** (*avijja*), là nguyên nhân gốc nằm bên dưới dục vọng. Vì vô minh, vì hiểu sai, vì không biết, vì chấp thủ, vì nhận lầm nên mới khởi sinh tham-muôn và dục-vọng.

Nên để xóa bỏ hết dục-vọng (là nguyên nhân tái sinh), thì phải dẹp bỏ vô-minh, xóa bỏ ngu dốt, u mê. Mà vô-minh, ngu dốt, u mê thì chỉ có thể được xóa bỏ, bằng kiến-thức, bằng sự hiểu-biết, bằng cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), tức là trí-tuệ.

Về mức độ cứu cánh, thì trí-tuệ ở đây là loại kiến thức có thể cho phép chúng ta “**nhìn thấy mọi sự vật đúng như chúng thực là**”. Để phát triển loại trí-tuệ này, chúng ta cần có những phương-pháp, cần có **những cách thực hành thích hợp** và có những người có thể hướng dẫn chúng ta.

Từ những phân tích trên, chúng ta hiểu được rằng chúng ta nhất thiết phải cần có sự bảo-vệ, cần có nơi nương-tựa để giúp chúng ta né tránh và thoát khỏi **ba loại hiểm-họa** lớn đang “bao vây” và “rình rập” chúng ta. Nhiều luận giảng đã dùng lại từ bằng tiếng Pali là “*himsati*” (đè bẹp, nghiền nát) trong cách diễn tả thêm về ý nghĩa của nơi nương-tựa “*sarana*”, như sau:

“Khi quy y vào nơi nương-tựa, thì chính việc quy y vào nơi nương-tựa đó đã đè bẹp, xua tan, phá bỏ, chặn đứng những nỗi sợ, sự thống khổ, những ô nhiễm, và nguy cơ tái sinh vào cảnh giới xấu của họ.”

V

Ba Nơi Nương Tựa - Tam Bảo (Tisarana)

Trong Phật giáo, có 03 nơi nương-tựa cùng lúc mang lại sự bảo-vệ cho con người tránh được ba loại hiểm-họa đã phân tích ở trên. Đó là: **Đức Phật, Giáo Pháp và Tăng Đoàn**. Còn gọi là “Phật, Pháp, Tăng”. Những nơi nương tựa này không phải là ba nơi nương tựa hay ba sự bảo vệ khác nhau, mà cả ba liên quan với nhau, hữu cơ thành một “nơi nương-tựa gồm có ba phần”.

Lấy một ví dụ đơn giản, nếu chúng ta bị bệnh tật và chúng ta thật sự muốn hết bệnh, chúng ta cần gặp một **bác sĩ** để chẩn đoán bệnh và đưa ra giải pháp hay cho toa thuốc để điều trị căn bệnh. Chúng ta cần có **thuốc** để chữa lành căn bệnh, và chúng ta cũng cần **người chăm sóc**, giúp đỡ khi chúng ta đang nằm bệnh. Vì bác sĩ và người chăm sóc không thể nào trị hết căn bệnh, mà họ chỉ chẩn đoán, đưa ra giải pháp (toa thuốc) và bảo đảm chúng ta được chăm sóc để uống thuốc, thực hiện việc điều trị một cách đúng đắn. **Thuốc mới chính là giải pháp điều trị**, để diệt căn bệnh và khôi phục sức khỏe.

Tương tự như vậy, để tìm ra giải pháp để diệt trừ sự khổ đau, chúng ta tìm đến **Phật, như là một vị bác sĩ**, lương y tận tình để tìm ra những nguyên nhân của “Khổ Đau” và chỉ cho chúng ta giải pháp để “điều trị” và làm hết được khổ đau. **Giải pháp thì như là thuốc** để trị liệu, tiêu trừ “căn bệnh” khổ đau, và **Tăng Đoàn là những người chăm sóc** chúng ta khi đang bệnh tật, giúp chúng ta thực hiện việc uống thuốc, điều trị đúng đắn để mau hết bệnh. Và để khỏi bệnh, **chúng ta phải trực tiếp tự mình uống thuốc hay làm theo lời dặn** của vị bác sĩ và những người chăm sóc. Để hết khổ đau, để

làm hết khổ đau, chúng ta **phải tự mình thực hành Giáo Pháp (Dhamma)**, bởi vì **Giáo Pháp mới chính là nơi nương-tựa thật sự**, vì đó là **giải pháp**, là **thuốc trị**, để dẫn đến sự chấm dứt Khổ.

Công hiệu hay kết quả của việc quy y vào nơi nương-tựa là *tùy thuộc vào mức độ tương xứng của sự hiểu-biết* về Tam Bảo và **lòng tin** của chúng ta vào Tam Bảo.

(I) Nương Tựa Phật – (Phật Bảo)

Về mặt lịch sử nhân loại, khi chúng ta nói đến chữ “**Phật**” (Buddha) là chúng ta đang nói về một “người” tên là Siddhatta Gotama (Tất-Đạt-Đa Cồ-Đàm) sống ở Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ 5 trước CN. Khi chúng ta quy y nương tựa vào Phật, là chúng ta quy y nương tựa vào con người này, vì **Người là người Thầy và người sáng lập ra đạo Phật**. Tuy nhiên, quy y nương tựa vào Người không phải chỉ là một con người vật lý, bằng xương bằng thịt.

Phật trở thành một nơi để quy y nương tựa bởi vì Phật là một bậc giác-ngộ tối thượng, một vị **Phật Toàn Giác**. Bởi vì Phật cũng chính là **người khai sáng, hướng dẫn người khác giác ngộ**. Những ai làm được cả 02 điều: tự mình giác-ngộ (tự giác) và làm cho (giúp, chỉ, dạy, dẫn dắt) người khác giác-ngộ (giác tha) thì được gọi là những vị Phật Toàn Giác. Đây là khía cạnh tâm linh siêu xuất của đối-tượng nương-tựa này. Phật, như là nơi nương-tựa, không còn là khái niệm thế tục, thế gian, mà thuộc về một đối tượng nương-tựa siêu phàm xuất chúng thuộc tâm linh. Vì vậy, khi chúng ta quyết định nương tựa vào Phật, chúng ta dựa vào Phật làm nơi nương-tựa vì Phật đại diện cho sự Giác Ngộ tối thượng hay Phật tính,

bao gồm tất cả những phẩm chất siêu phàm mà một bậc giác-ngộ tối thượng có được, đó là:

- ❖ **Đã diệt trừ hay đoạn trừ tất cả mọi ô-nhiễm.** Đoạn trừ có nghĩa là mọi ô-nhiễm đã được diệt trừ lần cuối, không còn bao giờ khởi sinh lại được nữa.
- ❖ **Tích lũy tất cả những đức-hạnh.** Nói về những đức hạnh hay phẩm hạnh của một Đức Phật thì rất nhiều, nhưng hai phẩm hạnh cao quý nhất siêu xuất nhất của Phật là: **Đại Trí** và **Đại Bi**, là hai đức hạnh Phật đã tu tập và khai triển vì phúc-lợi của người khác, dùng để giúp người hay ‘độ’ chúng sinh.
- ❖ Chúng ta quy y nương tựa vào Đức Phật, vì Phật là thể hiện tối cao của sự **thanh-tĩnh, trí-tuệ** và **lòng bi-mẫn**, là một bậc đạo sư vô đẳng, là người có thể chỉ dẫn chúng ta con đường Đạo đi đến sự an-toàn, tránh xa biên dữ luân-hồi sinh tử.

(II) Nương Tựa Giáo Pháp – (Pháp Bảo)

Có hai mức độ hay phương diện của Giáo Pháp đó là: Giáo Pháp thế gian, là **những lời dạy** hay **giáo lý của Đức Phật** được ghi chép lại trong Kinh Tạng. Tất cả những giáo lý này được nói ra và được dùng như làm những hướng dẫn chúng sinh bước vào con-đường tu tập được gọi là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) mà chúng ta đã có dịp học từ Chương III, bao gồm *con đường* Đạo thế gian và Đạo xuất thế gian, trong đó phần Đạo xuất thế gian chỉ có thể bước vào được bằng sự hiểu-biết hay cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), đó là sự **hiểu** hay sự **giác ngộ** về những chân-lý

của Tứ Diệu Đế. (Tâm) thức của đạo xuất thế gian đã bừng bỏ hết gốc những ô-nhiễm, Thức này chỉ khởi sinh 01 lần trong mỗi giai đoạn (tầng thánh) trong 04 giai đoạn (tầng) chứng-ngộ. Bốn đó là: tầng Nhập-lưu (*Sotapanna*), tầng Nhất-lai (*Sakadagamin*), tầng Bất-lai (*Anagamin*), và cuối cùng là tầng A-la-hán (*Arahant*).

Mỗi Thức của Đạo (hay thức thánh đạo) được theo sau bằng thức của Quả (thức thánh quả) đánh dấu bằng sự **tĩnh-lặng** khi những ô-nhiễm bị nhổ sạch bằng những khoảng-khắc (sát-na) đạo trước đó. Cả hai **thức Đạo** và **thức Quả** tạo ra phạm trù hay phương diện xuất thế gian của Giáo Pháp.

Những Giáo Pháp xuất thế gian (siêu thế) là những giáo lý của Phật dạy cho chúng sanh tu tập để giải thoát khỏi luân hồi, như Tứ Diệu Đế, Mười Hai Nhân Duyên, Ba La Mật ...

Bằng cách này, Giáo Pháp thực sự chính là một nơi **nương-tạ**.

(III) Nương Tạ Tăng Đoàn – Tăng Bảo

Theo khía cạnh truyền thống hay thế gian, thì Tăng Đoàn ở đây có nghĩa là Tăng Đoàn Tỳ Kheo (*Bhikkhu Sangha*), là cộng đồng những tu sĩ đã thụ giới xuất-gia, gồm những người thụ lãnh và tuân thủ (trì) 227 điều-luật Tăng đoàn do chính Đức Phật chế ra và đó là những người thấy được (chính kiến) đó là những giới-luật đúng đắn. *Tăng Đoàn Tỳ Kheo* là đoàn thể các Tăng, Ni liên tiếp kế thừa từ hơn 2.500 năm trước, được coi là những người gìn giữ và truyền thừa Giáo Pháp của Đức Phật. Đời sống Tỳ kheo (khất sĩ) cho phép Tăng

đoàn hoàn thành nhiệm vụ **gìn giữ, truyền thừa** và **thực hành** Giáo Pháp.

Tuy nhiên, Tăng Đoàn Tỳ Kheo này không phải nơi nương-tựa hay Tăng Bảo. Tăng Đoàn là nơi nương-tựa hay Tăng Bảo chính là **Tăng Đoàn Thánh Tăng** (*Ariya Sangha*), **đó là cộng đồng gồm những thánh Tăng (Ni) đã chứng ngộ ít nhất một trong bốn tầng thánh quả**. Những người được gọi là những Thánh Đệ Tử của Đức Phật thì họ đã ít nhất đã mãi mãi không còn những tà-kiến và sự nghi-ngờ, Giáo lý của Đức Phật đã cắm rễ sâu trong con người họ, cho nên họ không còn phải tùy thuộc vào người khác trong việc thực hiện những phần tu-tập còn lại trên con-đường đi đến mục-tiêu giải-thoát cuối cùng. Vì đã có đủ sự hiểu-biết và sự chứng-ngộ từng phần ở bên trong, những thánh tăng thánh ni đó đã có được những phẩm-chất và đức-hạnh **để hướng dẫn những người khác** trên con-đường đạo Phật để hướng đến mục-tiêu của đạo là sự giải-thoát.

VI

Những Yếu Tố Hỗ Trợ Việc Quy Y Nương Tựa

Việc quy y vào Tam Bảo là thể hiện sự nương nhờ, nương tựa, nương dựa vào Tam Bảo, và trở thành một Phật tử chân chính, Phật tử đích thực. Tuy nhiên, đây chỉ là cách nói miệng về việc quy y. Kinh điển Phật giáo có nói rõ hơn về vấn đề quy y Tam Bảo này, nó bao gồm những việc đích-thực có ý nghĩa hơn là việc tụng đọc mấy câu nghi thức của lễ quy y. Kinh điển định nghĩa việc quy y là một **hành động tâm linh**, đó là:

“Một hành động của (tâm) thức không còn ô-nhiễm, được thúc giục bởi niềm-tin và lòng thành kính đối với Tam Bảo như là nơi nương-tựa tối cao.”

Như vậy, việc quy y Tam Bảo chỉ nên được thực hiện khi đã có đầy đủ **niềm-tin** và **lòng thành kính** đối với Tam Bảo, và **nhận Tam Bảo là nơi nương-tựa tối cao**, là nguồn che chở duy nhất trên con-đường giải thoát. Có 03 yếu tố đóng vai trò quan trọng trong việc quy y Tam Bảo:

(a) Sự Hiểu Biết

Chỉ có sự hiểu-biết về chân lý thứ nhất hay *Diệu Đế về Khổ* thì một người mới tìm đến nơi nương-tựa. Tâm trí của mình cũng nên hiểu rõ, nắm bắt được những **tính chất, ý nghĩa** (Xem thêm Chương XVI, về “*Tưởng niệm về Phật, Pháp, Tăng*”). Sự hiểu biết đúng đắn như vậy mới có thể giúp chúng ta càng thêm tin tưởng sâu đậm và nương nhờ vào Tam

Bảo và thúc giục chính mình vào con đường tu tập, thực hành giáo Pháp.

(b) Tâm Nguyện Hướng Thiện hay Thiện Tâm

Việc quyết định quy y vào một nơi nương-tựa là một hành-động cố ý, là hành-vi cố-ý (tâm hành), đây là một hành động tự nguyện dựa vào sự mong-muốn hay tâm-nguyện hướng tới Giáo Pháp (*dhammachanda*) để giải thoát khỏi những sự khổ-đau và những hiểm-họa. Tâm nguyện càng mạnh mẽ thì sự thúc giục tâm linh càng mạnh mẽ, giúp mình mau chóng và siêng năng thực hành theo giáo Pháp của Đức Phật.

(c) Niềm Tin & Lòng Thành Kính

Căn bản của Trí Tuệ (tuệ) phải được cân bằng với căn bản của Niềm-tin hay Lòng Thành Tín (tín). Trí Tuệ nếu không có Niềm Tin thì dễ làm cho người ta **hoài nghi** hay **ngờ vực**, trong khi đó Niềm Tin mà không đi kèm hay dựa vào Trí Tuệ thì dễ làm cho người ta trở nên u mê, mê tín. Khi quy y vào Tam Bảo, Niềm Tin của một người phải nên dựa vào sự **tự-tin**, sự **xác-tín**, sự **tin-tưởng** (có được từ sự hiểu-biết và suy-luận hữu lý) vào năng-lực bảo-hộ của Tam Bảo, luôn đi cùng với sự hiểu-biết về những tính-chất và ý-nghĩa của Tam Bảo. Sự **tự-tin**, sự **tin-tưởng** tạo ra lòng tôn-kính hay lòng thành-kính. Khi một người đã nhận thấy hay đã trải nghiệm sự tác-dụng chuyển-hóa của Giáo Pháp đối đối với đời-sống và sự-sống của mình, thì người đó mới càng thêm thức-tỉnh và lòng tôn-kính nơi Tam Bảo càng được tăng lên, tâm của người đó càng hướng mạnh mẽ về Tam Bảo, và người đó càng dần thân, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần, và kiên trì thực hành giáo Pháp của Đức Phật.

VII

SỰ BẤT TỊNH & HỦY BỎ QUY Y

Những sự **không thanh tịnh** (không trong sạch) hay sự **lệch lạc** trong vấn đề quy y nương tựa là những yếu tố làm cho việc nương tựa không còn được thanh tịnh, không chân thành, và không còn được hiệu nghiệm, và không còn giá trị. Thông thường có 03 yếu tố làm ô nhiễm việc quy y nương tựa, đó là:

(1) Sự Ngụ Đốt

Đó là khi một người không hiểu-biết rõ *lý do* của việc quy y nương tựa, *y nghĩa* của việc quy y nương tựa và những tính-chất, *y-nghĩa* của những đối-tượng mình chọn làm nơi nương-tựa. Ví dụ, đó là những người không hiểu biết gì về Phật hay một vị Phật, họ thậm chí nghĩ Phật là đấng sáng tạo, đấng quyền linh ban phúc giáng họa, là người có thể “phù hộ” cho họ làm ăn phát tài, thăng quan tiến chức, tai qua nạn khỏi...; hoặc đó là những người không lắng nghe hay hiểu biết về tính-chất tối cao (quan trọng nhất) và *y-nghĩa* bảo hộ chân chính của Phật, Pháp và Tăng.

(2) Sự Nghi Ngờ

Đó là khi một người không có được niềm-tin hay sự tự-tin (chánh tín) vào Tam Bảo. Sự quy y hay nương nhờ tâm linh vào Tam Bảo lúc đó bị mai một, bị hoen ố bởi sự rời-tâm, ngờ-vực (bán tín bán nghi, do thấy thiên hạ làm vậy nên làm theo). Sự nghi-ngờ là một trong những chướng-ngại cho mọi sự tu tập, mọi sự tiến bộ về tâm linh, và bất kỳ sự tiến bộ nào của con người, (vì nếu còn nghi-ngờ thì tâm trí sẽ không giúp làm được gì). Như vậy, điều cần thiết là phải có niềm-tin,

lòng-tin, sự tự-tin, sự tin-tưởng thông qua sự hiểu-biết căn bản để có tính quyết định về mặt tâm trí, (rồi sự quyết-định mang tính tự-tin đó mới giúp một Phật tử chuyển hóa tâm trí trong tiến trình sau quy y). Như vậy, muốn có niềm-tin và lòng-tin thì phải quay lại có sự hiểu-biết căn bản, vì lòng-tin chính đáng đúng đắn (chánh tín) là phải dựa vào sự hiểu-biết về nguyên-nhân và ý-nghĩa của Tam Bảo. Nếu không có sự hiểu-biết thì lòng-tin đó là tin vào cái gì, vì lý do gì, hay chỉ mang tâm trí bán tín bán nghi ngờ vực để đi quy y và sau đó thói chí liên tục; nhiều người đã quy y, những vẫn chỉ một hành vi là lâu lâu đi chùa lễ lạy, nhưng thực ra trong tâm không có niềm-tin chắc chắn nào cả, chỉ mang danh Phật tử theo ý nghĩa cho có. (THẬT RA ĐÂY LÀ THỰC TRẠNG LỚN NHẤT CỦA ĐẠI ĐA SỐ PHẬT TỬ TẠI GIA TỬ BẦY LÂU NAY, VÀ MỘT SỐ PHẬT TỬ XUẤT GIA).

(3) Quan Điểm Sai Lạc (Tà Kiến)

Đó là những sự hiểu-biết **sai, lầm, lạc** về sự quy-y nương tựa, hay về những đối-tượng được làm nơi nương-tựa, ở đây là Phật, Pháp, Tăng. Ở đây một người có thể nghĩ đơn giản rằng, chỉ cần chấp nhận quy y Tam Bảo là sẽ có được sự bảo-đảm về sự bảo-vệ hay sự thoát-khỏi hiểm-họa sau này.

Hoặc, buồn thay, đại đa số con người ngày nay nghĩ rằng *Đức Phật* là một đấng thượng đế có năng lực cứu rỗi con người chứ không phải mỗi người phải tự nỗ lực để cứu mình.

Hoặc có người còn tin rằng *Giáo Pháp* dạy cho con người làm vậy để tạo “quả tốt” cho một ‘linh hồn’ bất tử sau này.

Hoặc *Tăng Đoàn* là một đại diện trung gian để con người thông qua đó nương tựa vào Đức Phật để được giải cứu hay phù hộ.

Tuy nhiên, ngay cả khi việc quy y không được thanh tịnh, bị những yếu tố, tư tưởng lệch lạc và bất tịnh về nguyên-nhân và ý-nghĩa của việc quy y và về ý nghĩa của Tam Bảo, sự quy y này vẫn được xem là nguyên vẹn và người Phật tử vẫn thường được coi là một Phật tử cho đến khi nào người ấy còn chấp nhận Tam Bảo là nơi nương tựa tối cao duy nhất của mình, dù người đó không thực sự hiểu biết được trọn vẹn nguyên-nhân và ý-nghĩa thanh tịnh của việc quy y của mình.

Nhưng sự thiếu hiểu-biết hay thái độ quy y trong “tâm” như vậy là sai lạc, và những người như vậy cần sửa sai sự hiểu-biết của mình cho đúng đắn bằng cách nhờ vào lời hướng dẫn chỉ dạy của một hay những bạn hữu tốt hay những vị sư thầy. Những vị thầy (là các Tăng, Ni, hay một người hiểu biết chánh-kiến) sẽ giúp cho những người đó vượt qua những sự bất tịnh trong tâm, đó là *ngu-dốt*, *sự ngờ-vực*, và *những quan-điểm sai lầm (tà kiến) như vậy*.

Còn sự **Hủy Bỏ Nương Tựa**, tức không còn quy y Tam Bảo cũng xảy ra đối với nhiều người tại gia. Đối với những thánh nhân hay thánh đệ tử Đức Phật thì niềm-tin và sự quy y vào Tam Bảo là bất thối chuyển, và Tam Bảo đối với họ cũng không bao giờ thay đổi được. Nhưng nếu trong trường hợp người phàm phu, việc hủy bỏ hay không còn quy y xảy ra đối với một người khi **chết đi**. Sự hủy ngang đó là không có lỗi, là không cố ý, ngoài ý muốn.

Sự hủy bỏ quy y đáng ‘tội nghiệp’ và ‘đáng trách’ của một người là khi người đó từ chối hay không còn tôn kính **Đức Phật** là một nơi nương-tựa tối cao, và vì nghĩ rằng có những đấng đạo sư khác cao siêu hơn Phật;

Hoặc người đó thay đổi từ con đường đạo Phật sang những tôn giáo khác và nghĩ rằng hệ thống tư tưởng của tôn giáo khác tốt đẹp hơn **Giáo Pháp** của Phật.

Hoặc người đó chuyển qua tham gia vào một cộng đồng hay đoàn thể tôn giáo khác và nghĩ rằng những cộng đồng đó tốt đẹp hơn **Thánh Tăng đoàn**.

Sự hủy bỏ lòng tin hay hủy bỏ sự quy y vào một trong ba đối-tượng của Tam Bảo thì mặc nhiên là hủy bỏ lòng tin và sự quy y vào tất cả Tam Bảo. Không thể có chuyện là bạn quy y vào Phật mà không tin vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn; Cũng không thể có chuyện là bạn đến chùa quy y nương dựa vào Tăng sĩ mà lại không mấy tin và nương tựa vào Phật và Pháp.

Về ý nghĩa tâm linh, nếu ai còn dung dưỡng ý nghĩ coi một biểu tượng nào khác là một nơi nương-tựa tối cao ngoài Tam Bảo, thì người đó coi như đã tự cắt đứt sự quy y của mình vào Tam Bảo và đã mặc nhiên tự tuyên bố mình không còn là một Phật tử nữa.

Sau đó, nếu người đó thay đổi và muốn sự quy y vào Tam Bảo có hiệu lực trở lại, thì **việc quy y phải được làm lại từ đầu theo nghi thức**, mặc dù nghi thức quy y là đơn giản, nhưng điều cần thiết là phải làm lại từ đầu, vì sự quy y vẫn cần có những thái độ nghiêm túc khác đi kèm, như: sự hiểu-biết về nguyên-nhân và ý-nghĩa của việc quy y Tam Bảo, niềm-tin vào Tam Bảo, và những mong-muốn hay tâm-nguyện hướng thiện về sự giải-thoát.

VIII

Ích Lợi Của Việc Quy Y Tam Bảo

Bằng việc quy y Tam Bảo, một người đã thể hiện tâm nguyện là muốn được hướng dẫn bằng những giáo lý của Đức Phật. Hướng dẫn làm gì? Hướng dẫn để bước đi trên con đường đạo, tu tập một cách thiết thực bằng hành động, vì giáo Lý của Đức Phật **không phải là một học thuyết để cứu rỗi con người dựa trên đức tin của họ**. Như đã thảo luận trước đây, việc quy y đơn giản là *giúp cho một người cân bằng căn trí-tuệ với căn niềm-tin, và sự thực-hành Giáo Pháp*. Đó là điều-kiện cần thiết để một người có thể tiến đến thấy-biết và giác ngộ Chân Lý và Niết-bàn.

Đối với những ai thường xuyên nương tựa vào Tam Bảo bằng **sự hiểu-biết đúng đắn, bằng niềm tin-tưởng và lòng thành-kính**, thì việc quy y đó là hành động *“đề bẹp, xua tan, phá bỏ, chặn đứng những nỗi sợ, sự thống khổ, những ô nhiễm, và nguy cơ tái sinh vào cảnh giới xấu dữ của họ.”*

Đối với những người mới đến với đạo Phật, thì **hành động quy y đơn giản sẽ là khởi sinh lòng-tin hay niềm-tin (saddha)**, chính niềm-tin là *người dẫn dắt những trạng thái tâm hướng thiện*. Vào những lúc gặp nhiều áp lực và nỗi sợ hãi trong đời, một câu tụng quy y đơn giản *“Buddham Saranam Gacchami” (Con xin nương tựa vào Phật)* thì cũng đủ làm xoa dịu tâm trí, làm yên ủi lòng mình. Điều đó hoàn toàn xảy ra khi bạn tâm niệm nương tựa vào **một đối-tượng mạnh mẽ, tốt lành**.

- Những đứa trẻ của những gia đình Phật tử cũng nên được dạy để tâm trí từng đêm nương tựa vào Phật, Pháp,

Tăng để tăng trưởng lòng tin và làm cho tinh thần thư thái, không gặp ác mộng hay những phiền toái trong giấc ngủ.

- Khi tác giả hỏi một số thành viên trong lớp học Kinh Tạng, một số người là những người thực hành môn Yoga, rằng nếu họ đang ngồi trên một máy bay đang gặp sự cố và có thể bị rơi bất cứ giây phút nào, thì họ sẽ làm gì? Họ sẽ nhắm mắt và thiền, hay sẽ niệm Tam Bảo gia hộ? Đa số đều trả lời rằng đọc niệm một câu “***Con xin nương tựa vào Phật***” là dễ làm nhất để tâm cảm thấy được yên ủi nhất. Đó là năng lực bảo vệ của Tam Bảo, ***mặc dù đơn giản nhưng rất có hiệu lực tốt lành về mặt tâm linh vào những lúc cần kíp*** như vậy.

IX

Sách & Tài Liệu Tham Khảo

- (1) “*Tam Bảo. Kinh Tiểu Tụng*” (*Khuddakaptha*) và “*Luận Giảng về Kinh Tiểu Tụng*” (*Paramatthajotika, Phần 1*). Bản dịch từ tiếng Pali của Ngài Bhikkhu Nanamoli. Hội Kinh Điển Pali (PTS), London, 1978
- (2) “*Quy Y Nương Tựa*”, tác giả Ngài Bhikkhu Bodhi trong Số Phát Hành “*Wheel Publication No. 282/284*”, Hội Ấn Bản Phật Giáo (*Buddhist Publication Society*), Tích Lan.
- (3) “*Tisarana*” (*Tam Bảo*), tác giả Ngài thiền sư U Sein Nyo Tun (*Late of the Indian Civil Service*). Bài Viết này đã được đăng trên trang nibbana.com.